

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thanh Hà
2. Bà Bùi Thị Thanh Thảo

- Th ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Dũng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố CT

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1994. Có mặt
2. Bị đơn: Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1986. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: khu vực Thới T, phường Phước T, quận Ô, thành phố CT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2024 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Kim T trình bày:

Chị T và anh N thông qua quen biết nhau, từ đó hai người tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phước T, quận Ô, thành phố CT theo luật định

Thời gian đầu, hai người chung sống khá hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2022, đôi bên phát sinh mâu Tăn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm từ tiền bạc, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt trong gia đình, nên Thông xuyên cãi vã nhau. Từ đó, hai người đã sống ly thân hơn một năm nay, nay chị T cảm thấy không còn tình cảm với anh N và không thể hàn gắn chuyện tình cảm vợ

chồng lại được, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên chị T quyết định xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 người, Lê Minh Th, sinh ngày 17/6/2015 (nữ). Hiện đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến trưởng thành theo nguyện vọng của cháu. Về tiền cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có yêu cầu anh N cấp dưỡng mỗi tháng một triệu đồng. Tại phiên tòa, chị T cho rằng hiện tại T nhập của chị tương đối ổn định, đủ để nuôi dưỡng cháu Th, nên không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Chị T khai nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N có văn bản trình bày: Thống nhất nội dung về quan hệ hôn nhân, con chung, sản chung, nợ chung như chị T trình bày. Nay, anh N cũng thống nhất ly hôn, nhưng không đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Kim T và anh Lê Hoàng N chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, chị T có đơn yêu cầu ly hôn và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con, nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1,7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa lần 2, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án các bên đã được tòa án triệu tập để hòa giải, động viên vợ chồng bỏ qua mâu Tẫn, đoàn tụ chung sống lại với nhau để xây dựng lại hạnh phúc gia đình, thế nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn mặc dù tòa đã cố gắng hàn gắn lại. Về phía anh N, thì có văn bản trình bày đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Từ đó cho thấy, chị T và anh N không thật sự không còn Thương yêu, quan tâm chăm sóc cho nhau như luật định, qua đó cho thấy mâu Tẫn giữa vợ chồng thật sự đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 người, Lê Minh Th, sinh ngày 17/6/2015 (nữ). Hiện đang sống chung với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy anh N có ý kiến

trình bày xin được nuôi con, nhưng theo nguyện vọng của cháu Th thì muốn sống với chị T, mặt khác, tại phiên tòa anh N cũng vắng mặt, không thể làm rõ được khả năng nuôi dưỡng của anh, nên để đảm bảo quyền lợi cho cháu Th cần giao cháu Th cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của chị T, không buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N khai nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 7 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 56, 80, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Kim T ly hôn với anh Lê Hoàng N.

- Về con chung: Giao cháu Lê Minh Th, sinh ngày 17/6/2025 (nữ) cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành theo nguyện vọng của cháu. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh N theo quy định chung của pháp luật

- Tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N khai nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), chị T chịu. Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai T tạm ứng án phí số 0004498 ngày 18/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô, thành phố CT (công nhận chị T đã nộp xong).

[3] Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự có mặt, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Ô,
- Chi cục THA Q. Ô,
- Đương sự,
- UBND P. Phước T;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Trần Văn Mẫn